

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Đường nối cao tốc
Bắc - Nam, Quốc lộ 1A đi cảng Nghi Sơn.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi một số điều Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 144/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư dự án đường nối cao tốc Bắc - Nam, Quốc lộ 1A đi Cảng Nghi Sơn;

Căn cứ Quyết định số 4430/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường nối cao tốc Bắc - Nam, Quốc lộ 1A đi cảng Nghi Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1560/TTr-SXD ngày 12 tháng 4 năm 2025 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Đường nối cao tốc Bắc - Nam, Quốc lộ 1A đi cảng Nghi Sơn; kèm theo báo cáo kết quả thẩm định số 1553/SXD-HĐXD ngày 12 tháng 4 năm 2025, Tờ trình số 34/TTr-BQLDAKV ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Ban QLDA Đầu tư xây dựng khu vực KKT Nghi Sơn và các KCN.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án Đường nối cao tốc Bắc - Nam, Quốc lộ 1A đi cảng Nghi Sơn, với những nội dung sau:

1. Điều chỉnh cơ cấu các hạng mục chi phí trong tổng mức đầu tư

Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh cơ cấu là: **1.345.000.000.000 đồng** (Một nghìn, ba trăm bốn mươi lăm tỷ đồng), cụ thể:

- Chi phí bồi thường, GPMB	: 373.333.171 nghìn đồng.
+ Chi phí đoạn qua thị xã Nghi Sơn	: 355.233.171 nghìn đồng.
+ Chi phí đoạn qua huyện Nông Cống	: 18.100.000 nghìn đồng.
- Chi phí xây lắp	: 790.506.437 nghìn đồng.
- Chi phí quản lý dự án	: 7.036.945 nghìn đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	: 26.678.796 nghìn đồng.
- Chi phí khác	: 32.478.787 nghìn đồng.
- Chi phí dự phòng	: 114.965.864 nghìn đồng.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

2. Lý do điều chỉnh: Trong quá trình triển khai thực hiện, chi phí GPMB đoạn qua địa phận huyện Nông Cống có thay đổi, tăng hơn so với dự kiến thời điểm lập dự án. Do đó cần điều chỉnh cơ cấu các hạng mục chi phí trong tổng mức đầu tư để đảm bảo bố trí vốn hoàn thành công tác GPMB đoạn qua địa phận huyện Nông Cống, trong đó phần điều chỉnh tăng chi phí GPMB được lấy từ chi phí dự phòng của dự án.

3. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Quyết định số 4430/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Trên cơ sở giá trị tổng mức đầu tư được phê duyệt, giao Ban QLDA Đầu tư xây dựng khu vực KKT Nghi Sơn và các KCN, UBND thị xã Nghi Sơn, UBND huyện Nông Cống tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Xây dựng, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực X; Chủ tịch UBND thị xã Nghi Sơn, Chủ tịch UBND huyện Nông Cống; Giám đốc Ban QLDA Đầu tư xây dựng khu vực KKT Nghi Sơn và các KCN và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH

Dự án Đường nối cao tốc Bắc - Nam, Quốc lộ 1A đi cảng Nghi Sơn

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Đồng.

STT	Hạng mục chi phí	TMDT theo Quyết định số 4430/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh		Chênh lệch Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
			Diễn giải/phương pháp xác định	Giá trị điều chỉnh	
I	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	368.960.590.000		373.333.171.000	4.372.581.000
1	Đoạn qua địa phận thị xã Nghi Sơn	355.233.171.000	Giữ nguyên theo Quyết định số 4430/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	355.233.171.000	0
2	Đoạn qua địa phận huyện Nông Cống	13.727.419.000	Theo Văn bản số 4223/UBND-HĐGPMB ngày 22/11/2024 của huyện Nông Cống	18.100.000.000	4.372.581.000
II	Chi phí xây dựng	790.506.437.000	Giữ nguyên theo Quyết định số 4430/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	790.506.437.000	
1	Phần đường tuyến số 1	320.932.329.000		320.932.329.000	
2	Phần đường tuyến số 2	121.814.906.000		121.814.906.000	
3	05 cầu cấp IV (Kênh Than, Sông Mau, Làng Bài, Bồng Sơn, Bồng Thôn thuộc tuyến số 1)	130.150.239.000		130.150.239.000	
4	03 cầu cấp III (Đông Lý, Cầu vượt đường sắt tuyến số 1 và cầu vượt đường sắt tuyến số 2)	201.896.598.000		201.896.598.000	
5	Phần điện chiếu sáng trên tuyến số 2	15.712.365.000		15.712.365.000	
III	Chi phí quản lý dự án	7.036.945.000	Giữ nguyên theo Quyết định số 4430/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	7.036.945.000	

STT	Hạng mục chi phí	TMĐT theo Quyết định số 4430/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh		Chênh lệch Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
			Diễn giải/phương pháp xác định	Giá trị điều chỉnh	
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	26.678.796.000	Giữ nguyên theo Quyết định số 4430/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	26.678.796.000	
1	Chi phí lập nhiệm vụ và giám sát công tác khảo sát bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	155.004.000		155.004.000	
2	Chi phí khảo sát xây dựng và lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án	2.395.950.000		2.395.950.000	
3	Chi phí thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi	266.774.000		266.774.000	
4	Chi phí khảo sát bước bản vẽ thi công	.990.000.000		3.990.000.000	
5	Chi phí lập hồ sơ thiết kế, cấm cọc GPMB	930.000.000		930.000.000	
6	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát bước BVTC	119.700.000		119.700.000	
7	Chi phí giám sát khảo sát bước BVTC	135.043.000		135.043.000	
8	Chi phí thiết kế bước BVTC	7.430.761.000		7.430.761.000	
9	Thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công	387.348.000		387.348.000	
10	Thẩm tra dự toán xây dựng công trình	371.538.000		371.538.000	
11	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo NCKT	7.655.000		7.655.000	
12	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu xây lắp và bảo hiểm công trình	268.128.000		268.128.000	
13	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT các gói thầu Tư vấn (KS, thiết kế, giám sát, kiểm toán)	68.348.000		68.348.000	

STT	Hạng mục chi phí	TMĐT theo Quyết định số 4430/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh		Chênh lệch Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
			Diễn giải/phương pháp xác định	Giá trị điều chỉnh	
14	Chi phí thẩm định HSMT, KQLC gói thầu Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	3.828.000		3.828.000	
15	Chi phí thẩm định HSMT, KQLCNT gói thầu xây lắp và bảo hiểm công trình	100.000.000		100.000.000	
16	Chi phí thẩm định HSMT, KQLCNT các gói thầu Tư vấn (KS, thiết kế, giám sát, kiểm toán)	19.979.000		19.979.000	
17	Chi phí giám sát thi công xây dựng	6.988.077.000		6.988.077.000	
18	Chi phí khảo sát, lập phương án RPBM, vật nổ	73.432.000		73.432.000	
19	Chi phí giám sát công tác RPBM, vật nổ	117.601.000		117.601.000	
20	Chi phí đánh giá tác động môi trường	399.630.000		399.630.000	
21	Chi phí kiểm định chất lượng công trình trong quá trình thi công	2.000.000.000		2.000.000.000	
22	Chi phí thẩm tra ATGT trước khi sử dụng	450.000.000		450.000.000	
V	Chi phí khác	32.478.787.000	Giữ nguyên theo Quyết định số 4430/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	32.478.787.000	
1	Chi phí kiểm toán độc lập	1.878.965.000		1.878.965.000	
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	591.800.000		591.800.000	
3	Chi phí bảo hiểm xây dựng công trình (phần đường, điện chiếu sáng và 05 cầu cấp IV)	1.471.525.000		1.471.525.000	

STT	Hạng mục chi phí	TMĐT theo Quyết định số 4430/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh		Chênh lệch Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
			Diễn giải/phương pháp xác định	Giá trị điều chỉnh	
4	Chi phí bảo hiểm công trình cầu cấp III	1.211.380.000		1.211.380.000	
5	Phí thẩm định thiết kế BVTC	63.959.000		63.959.000	
6	Phí thẩm định dự toán xây dựng công trình	60.366.000		60.366.000	
7	Phí thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi	26.228.000		26.228.000	
8	Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ (tạm tính)	3.337.810.000		3.337.810.000	
9	Chi phí hoàn trả hạ tầng kỹ thuật bị ảnh hưởng	15.000.000.000		15.000.000.000	
10	Chi phí đường dây, trạm biến áp phục vụ thi công các cầu trên tuyến	2.000.000.000		2.000.000.000	
11	Chi phí đảm bảo giao thông trong thi công	3.953.000.000		3.953.000.000	
12	Chi phí di chuyển máy móc thiết bị thi công đặc chủng đến và ra khỏi công trường,...	2.767.000.000		2.767.000.000	
13	Chi phí thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án	11.200.000		11.200.000	
14	Chi phí kiểm tra của cơ quan chuyên môn về xây dựng trong quá trình thực hiện	105.554.000		105.554.000	
VI	Chi phí dự phòng	119.338.445.000	Giảm chi phí dự phòng để tăng chi phí GPMB và không làm vượt TMĐT dự án	114.965.864.000	-4.372.581.000
1	Chi phí dự phòng cho yếu tố phát sinh	5.670.097.000		81.297.516.000	-4.372.581.000
2	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá	33.668.348.000		33.668.348.000	
TỔNG CỘNG		1.345.000.000.000	(I+II+III+IV+V+VI)	1.345.000.000.000	